TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **525**/2023/HS-PT
Ngày 14 - 7 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hình sự thụ lý số 438/TLPT-HS ngày 25/4/2023.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2023/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Tân Tuấn T, sinh năm 1975; giới tính: Nam; nơi ĐKHKTT và nơi ở: Phòng 1703, tòa nhà CT2A, chung cư T, số A, phố P, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Tân P (đã chết) và bà Phan Thị T1, sinh năm 1949; có vợ là Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1975 và có 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Vũ Thị Lan A1, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có kháng cáo, nhưng đã rút kháng cáo, Hội đồng xét xử đã quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo 1 vào ngày 12 tháng 6 năm 2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T được thể hiện như sau:

Ngày 18/8/2021, Cơ quan điều tra nhận được đơn tố cáo của Nguyễn Tân Tuấn T có căn cước, lý lịch nêu trên tố giác Vũ Thị Lan A1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.500.000.000 đồng thông qua việc nhận tiền để "góp vốn kinh doanh". Cơ quan điều tra đã xác minh và xác định như sau:

Do vay nợ nhiều người không có tiền trả nên Vũ Thị Lan A1 đã nhiều lần vay tiền của Nguyễn Tân Tuấn T với lãi suất cao. Cụ thể: Từ tháng 10/2017, T thỏa thuận cho Lan A1 vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương với 109%/01 năm) và 10 ngày trả lãi 01 lần thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng. T cho Lan A1 vay bằng tiền mặt, Lan A1 chuyển trả lãi cho T vào tài khoản số 0021000504364 của Ngân hàng N (V) và tài khoản số số 12410004005009 của Ngân hàng Đ (B) mang tên T. Để hợp thức khoản vay, T đã yêu cầu Lan A1 viết 03 "Hợp đồng góp vốn kinh doanh" đề ngày 01/10/2017, ngày 09/3/2018 và ngày 01/7/2019, nội dung đều thể hiện việc T đưa tiền cho Lan A1 để "góp vốn kinh doanh hàng N".

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay".* Tuy nhiên, theo kết quả điều tra xác định các lần vay, khoản vay, việc thanh toán tiền gốc, tiền lãi giữa Nguyễn Tân Tuấn T và Vũ Thị Lan A1 như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 02/11/2017, Lan A1 vay của T 600.000.000 đồng trong thời gian 103 ngày, Lan A1 đã trả lãi 180.000.000 đồng với lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (tương đương với 109%/01 năm). Ngày 09/02/2018, Lan A1 đã trả đủ 600.000.000 đồng tiền gốc và 54.503.000 đồng tiền phạt trước hạn. Số tiền lãi của khoản vay 600.000.000 đồng tính trong 01 ngày theo quy định của Bộ luật Dân sự là 600.000.000 đồng x 20% : 365 ngày = 328.767 đồng. Số tiền lãi của khoản vay 600.000.000 đồng tính trong 103 ngày theo quy định của Bộ luật Dân sự là 328.767 đồng x 103 ngày = 33.863.001 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là (180.000.000 - 33.863.001 + 54.503.000) đồng = 200.639.999 đồng.

- Lần thứ 2: Từ ngày 18/5/2018 đến ngày 24/6/2019, Lan A1 vay của T 700.000.000 đồng và trả lãi trong 500 ngày. Lan A1 đã trả lãi 1.050.000.000 đồng với lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (tương đương với 109%/01 năm), còn tiền gốc 700.000.000 đồng chưa trả được. Số tiền lãi của khoản vay 700.000.000 đồng tính trong một ngày theo quy định của Bộ luật Dân sự là 700.000.000 đồng x 20% : 365 ngày = 383.562 đồng. Số tiền lãi của khoản vay 700.000.000 đồng tính trong 500 ngày theo quy định của Bộ luật Dân sự là 383.562 đồng x 500 ngày = 191.781.000 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là (1.050.000.000 - 191.781.000) đồng = 858.219.000 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 01/7/2019, Lan A1 vay của T 800.000.000 đồng và trả lãi trong 10 ngày. Ngày 11/7/2019, Lan A1 đã trả đủ 800.00.000 đồng tiền gốc và trả lãi 10 ngày là 24.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương với 109%/01 năm). Số tiền lãi của khoản vay 800.000.000 đồng tính trong một ngày theo quy định của Bộ luật Dân sự là 800.000.000 đồng x 20% : 365 ngày = 438.356 đồng. Số tiền lãi của khoản vay 800.000.000 đồng tính trong 10 ngày theo quy định của Bộ luật Dân sự là 438.356 đồng x 10 ngày = 4.383.560 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là (24.000.000 - 4.383.560) đồng = 19.616.440 đồng.

- Lần thứ 4: Ngày 02/7/2019, Lan A1 vay của T 02 khoản, trong đó có 01 khoản vay 25.000 EURO (hai bên thống nhất tương đương 650.000.000 đồng) và 01 khoản vay 450.000.000 đồng gộp lại thành 1.100.000.000 đồng trong thời gian 20 ngày. Đến ngày 22/7/2019, Lan A1 đã trả lãi 66.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương với 109%/01 năm) và chưa trả được tiền gốc. Số tiền lãi của khoản vay 1.100.000.000 đồng tính trong 01 ngày theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.100.000.000 đồng x 20% : 365 ngày = 602.740 đồng. Số tiền lãi của khoản vay 1.100.000.000 đồng tính trong 20 ngày theo quy định của Bộ luật Dân sự là 602.740 đồng x 20 ngày = 12.054.800 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là (66.000.000 - 12.054.800) đồng = 53.945.200 đồng.

T yêu cầu Lan A1 ký "Hợp đồng góp vốn" đề ngày 31/7/2019 với nội dung Lan A1 nhận 1.800.000.000 đồng của T để kinh doanh hàng N. Sau đó, Lan A1 trả T 300.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ 1.500.000.000 đồng. Ngày 31/8/2019, T đến nhà và yêu cầu Lan A1 viết giấy vay nợ số tiền 1.500.000.000 đồng và từ đó đến nay Lan A1 chưa trả lại số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng cho T.

Như vậy, sau 04 lần cho Lan A1 vay tổng số tiền 3.300.000.000đ *(Ba tỷ, ba trăm triệu đồng)*; T đã thu lợi bất chính 1.132.420.639 đồng *(Một tỷ, một trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng)*; Vũ Thị Lan A1 còn nợ lại bị cáo T số tiền gốc là 1.500.000.000đ *(Một tỷ, năm trăm triệu đồng)* và không có khả năng chi trả. Vì vậy ngày 31/8/2019, T đã đến nhà Lan A1 yêu cầu viết giấy vay tiền có nội dung Lan A1 vay của T số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau đó, do Lan A1 không trả được tiền cho T nên T đã đến Cơ quan điều tra nộp đơn tố giác Lan A1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình giải quyết, Cơ quan Điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ", đối với Lan A1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với các bị hại khác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Đối với hành vi của Vũ Thị Lan A1 vay tiền của Nguyễn Tân Tuấn T được Cơ quan điều tra xác định là giao dịch dân sự, không cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra vụ án, bị can Nguyễn Tân Tuấn T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 "Hợp đồng góp vốn kinh doanh", 01 "Giấy vay tiền" và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu ghi xám, có số Imei 356820555893123; tạm giữ của bị can Vũ Thị Lan A1 01 điện thoại hiệu Iphone màu đen, có số Imei 353101105625734.

Tại bản Kết luận giám định số 7029/KLGĐ-PC09-Đ3 ngày 20/9/2021 của Phòng K Công an thành phố H về các tài liệu thu giữ của Nguyễn Tân Tuấn T, kết luận:

"- 01 Giấy biên nhận đề ngày 31/8/2019 người viết ký ghi họ tên là Vũ Thị Lan A1, nội dung có đoạn:"…Đến nay ngày 31/8/2019, số tiền tôi còn vay của anh T là 1.500.000.000 đồng… là giấy biên nhận duy nhất" (Ký hiệu A1).

- 01 Hợp đồng góp vốn kinh doanh đề ngày 1/7/2019 ký giữa Nguyễn Tân Tuấn T và Vũ Thị Lan A1 nội dung có đoạn:"Bên A đã chuyển số tiền là 1.800.000.000 đồng (Bằng chữ: một tỷ tám trăm triệu đồng) cho bên B…". (Ký hiệu A2).

- 01 Hợp đồng góp vốn kinh doanh đề ngày 9/3/2018 ký giữa Nguyễn Tân Tuấn T và Vũ Thị Lan A1 nội dung có đoạn:"Bên A đã chuyển số tiền là 700.000.000 đồng (Bằng chữ: bảy trăm triệu đồng) cho bên B…". (Ký hiệu A3)

- 01 Hợp đồng góp vốn kinh doanh đề ngày 1/10/2017 ký giữa Nguyễn Tân Tuấn T và Vũ Thị Lan A1 nội dung có đoạn:"Bên A đã chuyển số tiền là 600.000.000 đồng (Bằng chữ: sáu trăm triệu đồng) cho bên B…". (Ký hiệu A4).

Kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Vũ Thị Lan A1 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) với chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thị Lan A1 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người ký và viết ra."

Tại Bản hình sự sơ thẩm số 95/2023/HS-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*. Phạt: Bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/3/2023, bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt tiền vì bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã kết án. Bị cáo xuất trình 01 Biên lai thu số AA 2022/0002555 ngày 27/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, thể hiện bị cáo đã được chị Nguyễn Hoàng A là vợ bị cáo nộp thay tổng số tiền 700.200.000 đồng cho 02 khoản: Tiền truy thu sung quỹ Nhà nước + tiền án phí hình sự sơ thẩm và 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T số 12658732, số CIF 0000021622, số tiền gửi 800.000.000 (Tám trăm triệu đồng), ngày gửi 27/6/2023, ngày tất toán 27/7/2023 do Ngân hàng thương mại cổ phần N, Chi nhánh T2, Phòng G phát hành. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được chấp hành hình phạt tiền để có điều kiện chăm sóc gia đình và cam kết sẽ dùng số tiền có trong Thẻ tiết kiệm nêu trên để thực hiện việc thi hành án, trường hợp số tiền trong Thẻ tiết kiệm chưa đủ chấp hành hình phạt tiền bị cáo sẽ nộp thêm, trường hợp số tiền còn dư bị cáo tự nguyện nộp để đối trừ vào số tiền còn phải thi hành theo quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi nêu diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp

dụng các quy định tại khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã nộp các tài liệu thể hiện bị cáo đã nộp tổng số tiền 700.200.000 đồng cho 02 khoản: Tiền truy thu sung quỹ Nhà nước + tiền án phí hình sự sơ thẩm đã thể hiện bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật; bị cáo xuất trình 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 12658732, số CIF 0000021622, số tiền gửi 800.000.000 (Tám trăm triệu đồng) để chứng minh bị cáo có khả năng thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có sổ khám chữa bệnh thể hiện có bệnh đang phải điều trị và có khả năng thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và sửa bản án sơ thẩm để áp dụng hình phạt chính với bị cáo là hình phạt tiền với mức phạt tiền từ 600.000.000 đ đến 700.000.000 đồng, chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo đối trừ số tiền còn lại trong thẻ tiết kiệm vào số tiền còn phải thi hành theo quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của Vũ Thị Lan A1 về việc vay tiền của T và vật chứng thu giữ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì mục đích lợi nhuận, từ ngày 02/11/2017 đến ngày 02/7/2019, bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T đã cho Vũ Thị Lan A1 vay tiền 04 lần với tổng số tiền gốc 3.300.000.000đ *(Ba tỷ, ba trăm triệu đồng)*; T đã thu lợi bất chính 1.132.420.639 đồng *(Một tỷ, một trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng);* Lan A1 còn nợ lại bị cáo T số tiền gốc là 1.500.000.000đ. Kết quả điều tra đủ căn cứ xác định lãi suất bị cáo thu được từ việc cho Lan A1 vay tiền vượt quá hơn 05 lần lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, số tiền thu lợi bất chính qua các lần cho vay là 1.132.420.639 đồng *(Một tỷ, một trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng)*. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo về tội:*"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo về việc được chấp hành hình phạt chính là hình phạt tiền.

[3.1] Tội phạm bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, có hình phạt chính là phạt tiền từ 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng đến 1.000.000.000 (một tỷ) đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3.2] Do bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do phạm tội từ 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 30 tháng tù là có căn cứ.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình 01 Biên lai thu số AA 2022/0002555 ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, thể hiện bị cáo đã được chị Nguyễn Hoàng A là vợ bị cáo nộp thay tổng số tiền 700.200.000 đồng cho 02 khoản: Tiền truy thu sung quỹ Nhà nước + tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo còn xuất trình 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 12658732, số CIF 0000021622, số tiền gửi 800.000.000 (Tám trăm triệu đồng), ngày gửi 27 tháng 6 năm 2023, ngày tất toán 27 tháng 7 năm 2023 do Ngân hàng thương mại cổ phần N, Chi nhánh T2, Phòng G phát hành và cam kết nếu được chuyển thành hình phạt tiền sẽ sử dụng các tài sản nêu trên để thi hành án. Do bị cáo đã chấp hành được một phần quyết định của bản án (700.000.000 đồng truy thu công quỹ và án phí hình sự sơ thẩm) thể hiện bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật, có bệnh án thể hiện đang điều trị bệnh nên Hội đồng xét xử xác định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự có quy định hình phạt tiền được áp dụng đối với: *"Người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định"*. Quy định này nhằm cụ thể hóa chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước khi chỉ đạo soạn thảo, ban hành Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2015 về chính sách xử lý *"hạn chế áp dụng hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt khác theo hướng nhân đạo"* đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trong đó có tội phạm "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Trong vụ án này, bị cáo phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, là tội ít nghiêm trọng, có hình phạt chính là hình phạt tiền và hình phạt tù. Do bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội mang tính cơ hội, không có tính chất chuyên nghiệp, băng nhóm nên việc quyết định về hình phạt tiền đối với bị cáo còn phù hợp với nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"Hướng dẫn áp dụng điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và mức độ nguy hiểm do hành vi của bị cáo gây ra cho xã hội, hoàn cảnh gia đình bị cáo như đã phân tích, nhận định; đồng thời xác định tại phiên tòa hôm nay bị cáo có

đủ điều kiện về kinh tế để thực hiện hình phạt tiền theo quyết định của Tòa án để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của Kiểm sát viên, sửa bản sn sơ thẩm: Không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chính là hình phạt tù theo quyết định của bản án sơ thẩm mà áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, tạo điều kiện cho bị cáo vừa có cơ hội chấp hành xong quyết định về hình phạt của bản án vừa được trở về với gia đình cùng vợ chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ và các con, đồng thời vẫn có ý nghĩa giáo dục người khác ý thức tôn trọng pháp luật, góp phần phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[4] Đối với các khoản tiền Truy thu sung quỹ Nhà nước, án phí hình sự sơ thẩm chị Nguyễn Hoàng A là vợ bị cáo đã nộp thay cho bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận tại phần quyết định của bản án. Hội đồng xét xử cũng sẽ phong tỏa tài khoản và số tiền có trong Thẻ tiết kiệm của bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo, bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T. Sửa quyết định về hình sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2023/HS-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T.

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T phạm tội : "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

1.2. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

1.3. Áp dụng Điều 129 Bộ luật Tố tụng hình sự, phong tỏa tài khoản số 001038833563 tại Ngân hàng thương mại cổ phần N mang tên bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T và số tiền gửi 800.000.000 (Tám trăm triệu đồng), ngày gửi 27/6//2023, ngày tất toán 27/7/2023 tại Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng số 12658732, số CIF 0000021622, do Ngân hàng thương mại cổ phần N, Chi nhánh T2, Phòng G phát hành mang tên bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T cho đến khi có quyết định thi hành án của Cục Thi hành án thành phố Hà Nội để đảm bảo việc thi hành án đối với bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T đối với 02 (hai) khoản cần thi hành:

+ Khoản 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng hình phạt tiền theo điểm 1.2 Quyết định của bản án này;

+ Số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng còn lại trong Thẻ tiết kiệm nêu trên sau khi sử dụng cho việc chấp hành hình phạt tiền của Bản án này được bảo đảm cho khoản tiền cần "Truy thu sung quỹ Nhà nước" theo Quyết định của Bản án sơ thẩm.

2. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T đã nộp 700.000.000 (Bẩy trăm triệu) đồng tiền truy thu sung quỹ Nhà nước và 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA 2022/0002555 ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội *(Do vợ bị cáo là chị* Nguyễn Hoàng A *nộp thay)*. Ghi nhận số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng còn lại trong Thẻ tiết kiệm sau khi sử dụng cho việc chấp hành hình phạt tiền của Bản án này được bị cáo tự nguyện chấp hành cho khoản "Truy thu sung quỹ Nhà nước" theo Quyết định của Bản án sơ thẩm. Bị cáo còn phải thi hành số tiền "Truy thu sung quỹ Nhà nước" theo Quyết định của Bản án sơ thẩm là 1.886.923.639 (Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Tân Tuấn T không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND, VKSND, CA thành phố Hà Nội;
- Bị cáo theo địa chỉ;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Thành Công, Phòng giao dịch KOSSMO Xuân La;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh